

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HSPT

Ngày: 25-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Lệ Thu và Ông Hồ Đức Quang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án tỉnh Hà Tĩnh.

- **Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:** Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 25 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 38/2018/HSPT ngày 13/04/2018

Do có kháng cáo của bị cáo Đậu Xuân T và người bị hại Nguyễn Thị P.

Đối với bản án hình sự sơ thẩm số 03/2018/HSST ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: Đậu Xuân T, sinh ngày 16/4/1978, tại xóm T, xã P, huyện C, tỉnh H. Nơi cư trú: Xóm T, xã P, huyện C, tỉnh H.

Trình độ văn hóa: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Đậu Xuân D, sinh 1956 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1957, có vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; Có 03 con: lớn sinh 2002, nhỏ sinh 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nguyễn Thị N - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh H, (Có mặt).

* **Người bị hại kháng cáo:** Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 02/3/1986.

Trú tại: Xóm T, xã P, huyện C, tỉnh H (Có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị T, trú tại: Xóm Tân T, xã P, huyện C, tỉnh H (Có mặt)

* *Người làm chứng:*

1. Cháu Đậu Sỹ Thông T, sinh 20/7/2003 (con bị cáo - Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh 12/11/1957 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm Trung Đ, xã P, huyện C, tỉnh H.

3. Chị Nguyễn Thị M, sinh 04/04/1991 (Vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Đức T, sinh 20/6/1979 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Xóm T, xã P, huyện C, tỉnh H.

5. Ông Ngô Bá L, sinh 02/5/1956 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm Đ, xã P, huyện C, tỉnh H (Có mặt)

* *Người tham gia tố tụng khác:* anh Nguyễn Hữu L, trú tại: Xóm T, xã P, huyện C, tỉnh H (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 17/9/2017, khi Đậu Xuân T đang ở nhà mình tại xóm T, xã P thì chị Nguyễn Thị P trú cùng xóm đi xe đạp đến nhà hỏi việc vịt nhà chị P có bị lẫn lộn trong đàn vịt nhà T hay không. Quá trình lời qua tiếng lại, T nói “Cha mi chứ nhà tau không có vịt, ra ngoài vườn mà tìm”, chị P vừa đẩy xe đạp quay ra về, vừa chửi T rằng “Có vịt lộn mà không chịu trả”, “đồ ăn cắp”, “Mấy con vịt cho nhà bây mà mần cơm cúng cho con”. Do bị xúc phạm nên T lấy 01 thanh tre cứng dài khoảng 50cm, nơi rộng nhất 03cm đi lại chỗ chị P đang đứng ở dốc trước ngõ nhà T, dùng tay phải cầm thanh tre đánh liên tiếp vào nhiều vị trí trên cơ thể chị P theo nhiều chiều hướng khác nhau. Lúc này chị P quay xe đạp đẩy về phía T để né tránh nên bị trượt ngã, xe đạp có đè lên chân chị P. Sau khi chị P đứng dậy thì T tiếp tục dùng thanh tre đánh vào tay trái chị P, chị P tiếp tục đẩy xe đạp về phía T nên T giật lấy xe đạp vút xuống kênh Linh Cảm trước ngõ nhà T. Sau khi bị đánh chị P tiếp tục chửi mắng T rồi đi ra về. Đến sáng hôm sau chị P đến trạm y tế xã P để khám. Chiều ngày 19/9/2017, chị P được vợ anh T (chị T) đưa đến khám tại Bệnh viện đa khoa Cửa Đông. Ngày 20/9/2017 chị P về điều trị tại Trạm y tế xã Ph đến ngày 21/9/2017 và về điều trị ở nhà. Sau khi về nhà điều trị chị P vẫn thấy đau nên tiếp tục đi điều trị ở bệnh viện đa khoa thị xã H từ ngày 25/9/2017 đến ngày 06/10/2017 thì ra viện.

Hậu quả chị Nguyễn Thị P bị gãy rạn xương sườn số 3 bên trái, gãy xương II bàn tay trái. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 105/TgT ngày 06/11/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Tĩnh kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của chị Nguyễn Thị P hiện tại là 09%.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại bản án sơ thẩm số 03/2018/HSST ngày 07/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H đã tuyên bố bị cáo Đậu Xuân T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 1 điều 7, điểm a khoản 1 điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a khoản 1 điều 104, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46 và điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 xử phạt Đậu Xuân T 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Thời hạn thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự 2015; các điều 584, 585, 586 và điều 590 Bộ luật Dân sự 2015, buộc Đậu Xuân T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị P 14.530.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm ba mươi ngàn) tiền thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm (ngoài các khoản bị cáo đã chi trả ở Trạm xá xã P và ở bệnh viện Cửa Đông).

Khấu trừ cho bị cáo 10.000.000 (Mười triệu) đồng đã nộp trước tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, theo biên lai số 0001408 ngày 05/3/2018. Còn phải thi hành 4.530.000 (Bốn triệu năm trăm ba mươi ngàn) đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

Ngày 20/03/2018 bị cáo Đậu Xuân T kháng cáo xin cải tạo không giam giữ.

Ngày 20/03/2018 chị Nguyễn Thị P kháng cáo yêu cầu không cho bị cáo được hưởng án treo và tăng mức bồi thường cho bị hại, ngoài ra phải đưa anh Nguyễn Hữu L là chồng của bị hại vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, bị hại vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và nhất trí tăng thêm khoản tiền công người chăm sóc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án và nội dung đơn kháng cáo của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đậu Xuân T và bị hại Nguyễn Thị P về phần hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 358 BLTTHS 2015 chấp nhận nội dung kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị P về xác định tư cách tham gia tố tụng và tăng mức bồi thường thiệt hại. Hủy bản án sơ thẩm về phần dân sự để điều tra, xét xử lại.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Đậu Xuân T và người bị hại Nguyễn Thị P trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của bị cáo Đậu Xuân T xin cải tạo không giam giữ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do mâu thuẫn trong việc tìm gia cầm bị thất lạc, vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 17 tháng 9 năm 2017 tại xóm T, xã P, huyện C, Đậu Xuân T đã có hành vi dùng một thanh tre cứng đánh vào người chị Nguyễn Thị P làm chị P bị gãy rạn xương sườn 3 trái, gãy xương bàn 2 tay trái phải đến các cơ sở y tế điều trị, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 09 %. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có căn cứ khẳng định bản án sơ thẩm số 03/2018/HSST ngày 07/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét hành vi của bị cáo tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Việc cấp sơ thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ hành vi của bị cáo và xử bị cáo mức án 9 tháng tù cho hưởng án treo là đảm bảo tính răn đe cũng như thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do đó kháng cáo xin cải tạo không giam giữ của bị cáo không có cơ sở chấp nhận nên cần giữ nguyên mức án như cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

[2.2]. Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị P:

- Về hình phạt: chị Nguyễn Thị P cho rằng mức án mà cấp sơ thẩm xử bị cáo Đậu Xuân T là quá nhẹ, hơn nữa bị cáo chưa bồi thường cho chị nhưng cấp sơ vẫn cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ bồi thường thiệt hại là không đúng. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ bồi thường thiệt hại là có cơ sở, bởi căn cứ Biên lai thu tiền số 0001408 ngày 05/03/2018 (BL117) thể hiện bị cáo đã bồi thường cho chị Ph số tiền 10.000.000đ thông qua cơ quan thi hành án huyện C và trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã bồi thường tiếp số tiền 4.520.000đ theo biên lai số 0001411 ngày 07/5/2018. Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo Đậu Xuân T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 bộ luật hình sự và tuyên xử bị cáo mức án 09 tháng tù cho hưởng án treo là có căn cứ và phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ tăng hình phạt đối với bị cáo Đậu Xuân T.

- Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị P cho rằng cấp sơ thẩm không đưa anh Nguyễn Hữu L(chồng chị P) vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chưa đảm bảo. Vấn đề này, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng quá trình điều tra, truy tố người bị hại không có yêu cầu này nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Hữu L vẫn có mặt và được hỏi về việc đưa chị P đi điều trị cũng như ý kiến của anh yêu cầu bồi thường tiền công chăm sóc (thể hiện tại biên bản phiên tòa ngày 07/03/2018, BL 130). Phía bị hại có xuất trình bản hợp đồng lao động của anh L nhưng nơi làm việc của anh là tại Thái Nguyên chứ không phải tại Lào như kháng cáo của chị P đã nêu. Mặc dù cấp sơ thẩm không đưa anh Nguyễn Hữu L vào tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng vẫn quyết định buộc bị cáo Đậu Xuân T phải bồi thường khoản tiền công chăm sóc cho người bị hại là vẫn đảm bảo quyền lợi của anh Nguyễn Hữu L. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tính mức tiền công người chăm sóc cho người bị hại trong thời gian điều trị mỗi ngày 100.000đ x 16 ngày = 1.600.000đ là thấp so với mức thu nhập bình quân hàng tháng 8.000.000đ (theo hợp đồng lao động) của anh L. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần phải tăng thêm khoản tiền công này với mức 250.000đ x 16 ngày = 4.000.000 là phù hợp và đảm bảo mức thu nhập của người chăm sóc bị mất khi không làm việc để chăm sóc nạn nhân. Còn các chi phí khác mà cấp sơ thẩm đã quyết định là phù hợp nên cần được giữ nguyên.

Ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị P còn trình bày chiếc xe đạp mà chị sử dụng để đi đến nhà bị cáo Đậu Xuân T hôm xảy ra sự việc chị đã bỏ lại đến nay chị chưa được nhận lại nhưng cấp sơ thẩm không đưa vào để xem xét thấy rằng tại báo cáo của Ban Công an xã P xác định chiếc xe này không phải là vật chứng của vụ án nên đã để lại trụ sở Công an xã P để trả lại cho chị

P. Tại biên bản trả lại tài sản ngày 23/6/2018 tuy chị P không ký nhận tài sản nhưng chiếc xe đạp này đã được Ban công an xã P giao trả cho gia đình chị P. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu này của chị Nguyễn Thị P.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Đậu Xuân T. Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại về phần bồi thường dân sự tăng tiền công người chăm sóc cho nạn nhân.

[3]. Về án phí: Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đậu Xuân T và bị hại Nguyễn Thị P về phần hình phạt. Giữ nguyên quyết định sơ thẩm về phần hình phạt.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại về bồi thường dân sự. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HSST ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H về phần dân sự.

Tuyên bố bị cáo **Đậu Xuân T** phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 1 điều 7, điểm a khoản 1 điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017); Điểm a khoản 1 điều 104, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46 và điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 xử phạt Đậu Xuân T **09 (Chín)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Thời hạn thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đậu Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự 2015; các điều 584, 585, 586 và điều 590 Bộ luật Dân sự 2015, buộc bị cáo Đậu Xuân T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị P 16.930.000 đồng (Mười sáu triệu chín trăm ba mươi ngàn) tiền thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm (ngoài các khoản bị cáo đã chi trả ở Trạm xá xã P và ở bệnh viện Cửa Đông). Khấu trừ cho bị cáo số tiền 14.520.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo các biên lai thu tiền số 0001408 ngày

05/3/2018 và 0001411 ngày 07/5/2018. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại 2.410.000đồng.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí HSPT và án phí DSPT cho bị cáo Đậu Xuân T. Người bị hại Nguyễn Thị P không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh (2 bản);
- VKSND, TAND huyện C;
- Công an, THADS huyện C;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người bảo vệ QL bị cáo;
- Lưu VT, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền